TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 –VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2026/DS-ST
Ngày: 25/8/2026
V/v "tr/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Mai Thị Nhặc

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Toà án nhân Khu vực 9 – Vĩnh Long.

Trong ngày 25/8/2026 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân Khu vực 9- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 427/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 473/2026/QĐST-DS ngày 7 tháng 8 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 291/2026/QĐST-DS ngày 18/8/2026 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bùi Thị T, sinh 1966; *Trú tại*: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (người đại diện Võ Thị Thúy N, sinh năm 1988; Địa chỉ ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long có mặt);

**** Bị đơn*****:** Liêu Thị B, sinh năm 1975; ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (người đại diện ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981; Trú tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long - có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Võ Quốc H, sinh năm 2002; Trú tại ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long - vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chị N *trình bày:* Trước đây vào tháng 9/2023 dương lịch bà T có cho bà B vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 3%/tháng, việc cho vay không có lập hợp đồng, biên nhận. Tiếp đến ngày 12/10/2023 dương lịch bà T có cho bà B vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 3%/tháng, việc cho vay có làm biên nhận vay tiền. Tiếp đến ngày 26/5/2025 dương lịch bà T có cho bà B vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 3%/tháng, việc cho vay không có làm

hợp đồng biên nhận vay tiền. Tổng 03 lần vay là 160.000.000 đồng, phía bà B không trả nợ gốc và lãi, bà T yêu cầu nhiều lần nhưng không trả.

Nay yêu cầu bà B trả số tiền 160.000.000 đồng nêu trên, yêu cầu tính lãi từ ngày 25/6/2026 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất 20%/năm.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 24/8/2026 đại diện bị đơn là ông Nguyễn Minh K trình bày: Đối với các khoản vay 40.000.000 đồng và khoản vay 20.000.000 đồng bà B không có vay. Khoảng vay 100.000.000 đồng có vay nhưng đã trả xong. Nay không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng***:

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn bà T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch vay tài sản giữa các bên trên cơ sở chứng cứ là tờ giấy tập học sinh đề ngày 28/8/2023 âm lịch có nội dung thể hiện bà B có vay bà T số tiền 100.000.000 đồng và bà B có ký tên xác nhận, mức lãi suất 3%/tháng. Phía đại diện bị đơn thừa nhận có vay nhưng đã trả xong, việc bị đơn cho rằng trả xong nhưng không có tài liệu chứng minh, nên buộc bị đơn trả là phù hợp. Đối với các khoản vay 60.000.000 đồng còn lại bị đơn không thừa nhận có vay, nguyên đơn không chứng minh được có cho vay, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Đối với lãi suất và thời gian yêu cầu trả lãi của khoản vay 100.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật đối với phần có nghĩa vụ trả. Phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí tương ứng, nhưng do người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 điều 26, điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Bùi Thị T. Buộc bà Liêu Thị B trả cho bà T số tiền vay 100.000.000 đồng và 3.320.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 103.320.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị T về việc buộc bà Liêu Thị B trả cho bà T số tiền vay còn lại 60.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 25/6/2026 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất 20%/năm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, nếu bà B chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Liêu Thị B chịu 5.166.000 đồng. Bà Bùi Thị T được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL (1b);
- VKSND KV9 (2b);
- Phòng THADS KV9(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Phong